

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (AAA: HOSE)



TRUNG LẬP – Giá mục tiêu 1 năm: 16.700 đồng/cp

Giá hiện tại: 16.350 đồng/cp

Đào Minh Châu, CFA

chaudm@ssi.com.vn

+84 28 3636 3688 ext. 3052

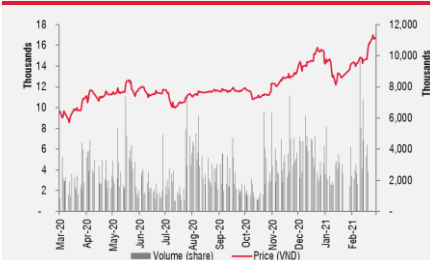
Ngày 23/03/2021

NGÀNH CÔNG NGHIỆP

Các chỉ tiêu chính

| | |
|--|-----------|
| Giá trị vốn hoá (triệu USD) | 161 |
| Giá trị vốn hoá (tỷ đồng) | 3.703 |
| Số cổ phiếu lưu hành (triệu) | 222 |
| Giá cao/thấp nhất trong 52 tuần ('000 VND) | 17,4/8,8 |
| KLGD trung bình 3 tháng | 3.458.226 |
| GTGD trung bình 3T (tr USD) | 2,21 |
| GTGD trung bình 3T (tỷ VND) | 51,04 |
| Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%) | 2,72 |
| Tỷ lệ sở hữu Nhà nước (%) | 0 |
| Tỷ lệ sở hữu Ban lãnh đạo (%) | N.a |

Biên động giá cổ phiếu



Nguồn: Bloomberg

Thông tin cơ bản về công ty

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (AAA: HOSE) là nhà xuất khẩu bao bì nhựa lớn nhất Việt Nam. Công ty thành lập với số vốn điều lệ chỉ 0,5 tỷ đồng. Trong suốt 14 năm lịch sử, công ty đã tăng vốn điều lệ nhiều lần và cổ phần hóa vào năm 2006 với vốn điều lệ là 30 tỷ đồng. Công ty đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội năm 2010 với vốn điều lệ là 99 tỷ đồng, mã chứng khoán AAA

Lợi nhuận năm 2021 phục hồi đã phản ánh vào giá

Lợi nhuận ròng Q4/2020 giảm -5,4%, do tỷ suất lợi nhuận thấp hơn từ các sản phẩm bao bì nhựa jumbo cũng như chi phí logistics cao hơn. Lợi nhuận ròng trong năm 2020 giảm -42,3% so với cùng kỳ đạt 283 tỷ đồng, chỉ hoàn thành 52% kế hoạch năm 2020. Năm 2021, chúng tôi ước tính doanh thu và lợi nhuận ròng năm 2021 của AAA dần cải thiện, lần lượt đạt 8,7 nghìn tỷ đồng (+17,7% so với cùng kỳ) và 430 tỷ đồng (+53% so với cùng kỳ). Mảng khu công nghiệp sẽ là động lực tăng trưởng lớn nhất đối với lợi nhuận trong năm nay, với lợi nhuận gộp đạt 205 tỷ đồng (+118% so với cùng kỳ) trong năm 2021 từ việc cho thuê 10 ha còn lại từ KCN công nghệ cao An Phát và KCN An Phát 1 mới. Mặt khác, chúng tôi ước tính sản lượng từ bao bì nhựa có thể tăng 9,2% so với cùng kỳ đạt 112 nghìn tấn do dây chuyền sản xuất bao bì jumbo hoạt động hết công suất. Chúng tôi duy trì khuyến nghị TRUNG LẬP đối với cổ phiếu, với giá mục tiêu 1 năm là 16.700 đồng/cp.

| (tỷ đồng) | 4Q20 | 4Q19 | YoY | 3Q20 | QoQ | % hoàn thành kế hoạch năm | TSLN | | | |
|----------------------------------|-------|-------|--------|-------|--------|---------------------------|-------|------|-------|-------|
| | | | | | | | 4Q20 | 4Q19 | 3Q20 | 2019 |
| Doanh thu thuần | 2.118 | 1.833 | 15,6% | 1.927 | 9,9% | 74% | | | | |
| Lợi nhuận gộp | 208 | 176 | 17,6% | 207 | 0,2% | | 9,8% | 9,6% | 10,8% | 11,3% |
| Thu nhập từ hoạt động kinh doanh | 222 | 94 | 136,2% | 118 | 87,3% | | 10,5% | 5,1% | 6,1% | 7,5% |
| EBIT | 117 | 128 | -8,4% | 149 | -21,5% | | 5,5% | 7,0% | 7,7% | 8,9% |
| EBITDA | 129 | 140 | -7,3% | 160 | -19,3% | | 6,1% | 7,6% | 8,3% | 11,7% |
| Lợi nhuận trước thuế | 69 | 78 | -11,4% | 100 | -31,0% | | 3,3% | 4,2% | 5,2% | 6,5% |
| Lợi nhuận ròng | 60 | 64 | -5,4% | 86 | -29,8% | 52% | 2,9% | 3,5% | 4,5% | 5,3% |
| Lợi nhuận ròng thuộc về cổ đông | 58 | 59 | -2,0% | 79 | -26,5% | | 2,7% | 3,2% | 4,1% | 5,0% |

Nguồn: AAA, SSI Research

| | Doanh thu | | | Lợi nhuận gộp | | | TSLN gộp | |
|----------------------|------------------|------------------|--------------|----------------|----------------|--------------|-------------|-------------|
| | 4Q19 | 4Q20 | YoY | 4Q19 | 4Q20 | YoY | 4Q19 | 4Q20 |
| Sản xuất | 972.618 | 1.073.914 | 10,4% | 157.097 | 140.990 | -10,3% | 16,2% | 13,1% |
| Hoạt động thương mại | 840.977 | 990.672 | 17,8% | 24.750 | 39.847 | 61,0% | 2,9% | 4,0% |
| Bất động sản | 11.397 | 22.261 | 95,3% | 7.730 | 13.057 | 68,9% | 67,8% | 58,7% |
| Tổng cộng | 1.833.237 | 2.118.457 | 15,6% | 176.496 | 207.593 | 17,6% | 9,6% | 9,8% |

Nguồn: AAA, SSI Research

Mảng hoạt động sản xuất: Doanh thu từ mảng sản xuất tăng +10,4% so với cùng kỳ đạt 1,1 nghìn tỷ đồng. Sản lượng tiêu thụ bao bì nhựa đạt 27,78 nghìn tấn trong Q4/2020, tăng +8% so với cùng kỳ. Lũy kế cả năm 2020, tổng sản lượng tiêu thụ bao bì nhựa đạt 102,8 nghìn tấn, tăng +7,4% so với cùng kỳ, trong đó sản lượng bao bì nhựa mỏng thông thường tăng +4% so với cùng kỳ đạt 99,27 nghìn tấn. Trong khi đó, bao bì nhựa jumbo, một loại bao bì dùng cho khách hàng công nghiệp do Công ty Cổ phần Bao bì An Vinh sản xuất (đã được hợp nhất với AAA từ Q3/2020), đóng góp chiếm 3,4% tổng mức tăng trưởng sản lượng của AAA.

Tuy nhiên, tỷ suất lợi nhuận từ mảng sản xuất giảm xuống 13,1% trong Q4/2020 từ mức 16,2% trong Q4/2019, khiến tổng lợi nhuận gộp của mảng sản xuất giảm -10% so với cùng kỳ, đạt 141 tỷ đồng. Điều này là do: (i) tỷ trọng doanh thu túi thực phẩm trong tổng doanh thu bao bì tăng lên, sản phẩm này vốn có tỷ suất lợi nhuận thấp hơn so với bao bì nhựa trong siêu thị và (ii) tỷ suất lợi nhuận gộp của bao bì jumbo là 8% vì dòng sản phẩm này chỉ mới hoạt động với công suất 50-60%. Theo ban lãnh đạo, tỷ suất lợi nhuận gộp từ bao bì jumbo có thể đạt 15-16%, tương đương với sản phẩm bao bì nhựa mỏng thông thường khi dòng sản phẩm này đạt công suất tối đa.

Mảng hoạt động thương mại: Lợi nhuận gộp từ mảng hoạt động thương mại tương đối ổn định so với Q3/2020 đạt 40 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 19% trong tổng lợi nhuận gộp. Sản lượng giao dịch trong Q4/2020 đạt 57,2 nghìn tấn, tăng +9% so với cùng kỳ nhưng giảm -6,3% so với quý trước.

Mảng bất động sản: Mảng bất động sản chỉ tạo ra 22,2 tỷ đồng doanh thu và 13,9 tỷ đồng lợi nhuận gộp chủ yếu là từ doanh thu cho thuê nhà xưởng, trong khi không có khoản cho thuê đất mới từ KCN Công nghệ cao An Phát.

Mặt khác, lợi nhuận ròng trong Q4/2020 cũng bị giảm sút do chi phí bán hàng tăng mạnh +130% so với cùng kỳ và +53% so với quý trước, do hợp nhất Bao bì An Vinh và chi phí vận chuyển tăng.

Tổng lợi nhuận ròng năm 2020 của AAA giảm -42% đạt 283 tỷ đồng, chủ yếu do nguồn lợi nhuận từ mảng bất động sản thấp hơn, do dịch Covid-19 gây khó khăn cho khách hàng đến tham quan khu đất.

| (tỷ đồng) | 2020 | 2019 | YoY | % hoàn thành KH năm | TSLN | |
|--|-------|-------|--------|---------------------|-------|-------|
| | | | | | 2020 | 2019 |
| Doanh thu thuần | 7.429 | 9.258 | -19,8% | 74% | | |
| Lợi nhuận gộp | 777 | 1.042 | -25,4% | | 10,5% | 11,3% |
| Thu nhập từ hoạt động kinh doanh | 383 | 697 | -45,1% | | 5,2% | 7,5% |
| EBIT | 520 | 823 | -36,8% | | 7,0% | 8,9% |
| EBITDA | 807 | 1.081 | -25,3% | | 10,9% | 11,7% |
| Lợi nhuận trước thuế | 319 | 597 | -46,6% | | 4,3% | 6,5% |
| Lợi nhuận ròng | 283 | 491 | -42,3% | 52% | 3,8% | 5,3% |
| Lợi nhuận ròng thuộc về cổ đông Công ty mẹ | 262 | 460 | -43,0% | | 3,5% | 5,0% |

Nguồn: AAA, SSI Research

| | Doanh thu | | | Lợi nhuận gộp | | | TSLN gộp | |
|----------------------|------------------|------------------|---------------|----------------|------------------|---------------|--------------|--------------|
| | 2020 | 2019 | YoY | 2020 | 2019 | YoY | 2020 | 2019 |
| Sản xuất | 3.915.486 | 3.969.531 | -1,4% | 565.627 | 617.333 | -8,4% | 14,4% | 15,6% |
| Hoạt động thương mại | 3.344.597 | 4.510.460 | -25,8% | 137.254 | 116.213 | 18,1% | 4,1% | 2,6% |
| Bất động sản | 72.405 | 706.862 | -89,8% | 44.202 | 308.944 | -85,7% | 61,0% | 43,7% |
| Tổng cộng | 7.438.250 | 9.278.252 | -19,8% | 776.935 | 1.042.830 | -25,5% | 10,4% | 11,2% |

Nguồn: AAA, SSI Research

Phương án phát hành thông qua đấu giá công khai: Tại Đại hội cổ đông được tổ chức vào đầu năm 2021 đã thông qua việc phát hành 75 triệu cổ phiếu AAA, tương đương 33,8% số lượng cổ phiếu đang lưu hành. Kế hoạch này sẽ được thực hiện thông qua hình thức đấu giá công khai, với giá khởi điểm 14.000 đồng/cổ phiếu. Việc phát hành dự kiến sẽ được thực hiện vào Q2/2021. Cổ phiếu mới sẽ không bị hạn chế giao dịch. Số tiền thu được từ

đợt phát hành là 1,1 nghìn tỷ đồng dự kiến sẽ được sử dụng để tài trợ vốn lưu động và giảm số dư nợ, hệ số nợ/VCSH ở mức 0,9x vào cuối năm 2020. Tập đoàn An Phát Holdings, công ty mẹ của AAA, dự kiến sẽ tham gia vào đợt phát hành này và nâng tỷ lệ sở hữu tại AAA lên 65% trong thời gian tới.

Triển vọng năm 2021 và ước tính lợi nhuận

Năm 2021, chúng tôi ước tính doanh thu và lợi nhuận ròng của AAA lần lượt đạt 8,7 nghìn tỷ đồng (+17,7% so với cùng kỳ) và 430 tỷ đồng (+53% so với cùng kỳ).

KCN dự kiến sẽ là động lực tăng trưởng lợi nhuận lớn nhất trong năm nay, với lợi nhuận gộp ước đạt 205 tỷ đồng (+118% so với cùng kỳ) trong năm 2021. Ban lãnh đạo dự kiến sẽ cho thuê 100 km² còn lại tại KCN Công nghệ cao An Phát trong năm 2021. Ngoài ra, KCN An Bình Quốc Tuấn mới được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và đổi tên thành KCN An Phát 1. Dự án tọa lạc tại tỉnh Hải Dương với diện tích là 180 ha, có giá trị đầu tư 1,3 nghìn tỷ đồng. Ban lãnh đạo dự kiến dự án KCN mới này sẽ bắt đầu được chuyển giao từ nửa cuối năm 2021 và sẽ tạo ra khoảng 200 tỷ đồng doanh thu và 50 tỷ đồng lợi nhuận trong năm nay.

Mặt khác, chúng tôi ước tính sản lượng bao bì nhựa có thể tăng 9,2% so với cùng kỳ, đạt 112 nghìn tấn. Sản lượng bao bì thông thường có thể tăng với tốc độ ổn định hơn là 3% cùng với sự phục hồi của nhu cầu trên toàn thế giới. Sản lượng tiêu thụ bao bì công nghiệp dự kiến cũng sẽ tăng hơn gấp đôi lên 9 nghìn tấn từ 3,5 nghìn tấn trong năm 2020, do sự đóng góp của công ty con An Vinh trong cả năm 2021, với công suất hoạt động dự kiến là 80%. Ngoài ra, tỷ suất lợi nhuận của bao bì nhựa mỏng cũng có thể cải thiện do nguồn lợi nhuận lớn hơn từ các sản phẩm tự hủy, dự kiến sẽ chiếm tỷ trọng 20% tổng sản lượng tiêu thụ bao bì nhựa mỏng trong năm 2021, so với mức 10% trong năm 2020.

Ước tính lợi nhuận ròng năm 2021 của chúng tôi thấp hơn so với kế hoạch của công ty là 550 tỷ đồng. Điều này là chúng tôi có quan điểm thận trọng hơn về tỷ suất lợi nhuận và sản lượng của công ty trong mảng bao bì jumbo, cũng như ước tính của chúng tôi về khả năng chuyển nhượng khu công nghiệp mới chậm hơn so với kế hoạch.

Định giá và quan điểm đầu tư

AAA đang giao dịch với hệ số P/E 2021 là 8,6x, theo quan điểm của chúng tôi là khá hợp lý. Chúng tôi duy trì khuyến nghị TRUNG LẬP đối với cổ phiếu, với giá mục tiêu 1 năm là 16.700 đồng/cp dựa trên phương pháp SoTP. Định giá của chúng tôi chưa tính đến việc phát hành cổ phiếu mới.

| Phân khúc | Phương pháp | Định giá |
|--------------------------|----------------------------------|--------------------|
| Bất động sản | RNAV | 1.517 tỷ đồng |
| Khác | PE – dựa trên P/E mục tiêu là 8x | 2.182 tỷ đồng |
| Tổng giá trị | | 3.700 tỷ đồng |
| Giá trị hợp lý/cp | | 16.700 đồng |

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

| Tỷ đồng | 2019 | 2020 | 2021F |
|---|--------------|--------------|---------------|
| Bảng cân đối kế toán | | | |
| + Tiền và các khoản tương đương tiền | 292 | 964 | 7.576 |
| + Đầu tư ngắn hạn | 1.252 | 714 | 801 |
| + Các khoản phải thu ngắn hạn | 2.079 | 1.669 | 791 |
| + Hàng tồn kho | 1.222 | 947 | 1.004 |
| + Tài sản ngắn hạn khác | 127 | 158 | 188 |
| Tổng tài sản ngắn hạn | 4.971 | 4.451 | 10.361 |
| + Các khoản phải thu dài hạn | 96 | 174 | 142 |
| + GTCL Tài sản cố định | 2.081 | 2.325 | 2.371 |
| + Bất động sản đầu tư | 223 | 448 | 0 |
| + Tài sản dài hạn dở dang | 294 | 361 | 361 |
| + Đầu tư dài hạn | 124 | 533 | 402 |
| + Tài sản dài hạn khác | 198 | 277 | 15 |
| Tổng tài sản dài hạn | 3.016 | 4.119 | 3.290 |
| Tổng tài sản | 7.987 | 8.570 | 13.651 |
| + Nợ ngắn hạn | 3.237 | 3.773 | 3.983 |
| Trong đó: vay ngắn hạn | 2.400 | 2.943 | 3.091 |
| + Nợ dài hạn | 1.496 | 773 | 5.211 |
| Trong đó: vay dài hạn | 1.372 | 617 | 464 |
| Tổng nợ phải trả | 4.732 | 4.545 | 9.194 |
| + Vốn góp | 1.712 | 2.218 | 2.218 |
| + Thặng dư vốn cổ phần | 532 | 692 | 692 |
| + Lợi nhuận chưa phân phối | 603 | 569 | 969 |
| + Quý khác | 408 | 546 | 578 |
| Vốn chủ sở hữu | 3.255 | 4.024 | 4.457 |
| Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu | 7.987 | 8.570 | 13.651 |
| Lưu chuyển tiền tệ | | | |
| Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh | 489 | 612 | 6.787 |
| Dòng tiền từ hoạt động đầu tư | -860 | 56 | -168 |
| Dòng tiền từ hoạt động tài chính | 17 | 6 | -6 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | -353 | 673 | 6.612 |
| Tiền đầu kỳ | 645 | 292 | 964 |
| Tiền cuối kỳ | 292 | 964 | 7.576 |
| Các hệ số khả năng thanh toán | | | |
| Hệ số thanh toán hiện hành | 1,54 | 1,18 | 2,6 |
| Hệ số thanh toán nhanh | 1,12 | 0,89 | 2,3 |
| Hệ số thanh toán tiền mặt | 0,48 | 0,44 | 2,1 |
| Nợ ròng / EBITDA | 3,08 | 3,76 | -0,49 |
| Khả năng thanh toán lãi vay | 3,65 | 2,58 | 3,67 |
| Ngày phải thu | 28 | 32,4 | 26,9 |
| Ngày phải trả | 27,3 | 31,5 | 27,4 |
| Ngày tồn kho | 46,3 | 59,5 | 46,1 |
| Cơ cấu vốn | | | |
| Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản | 0,41 | 0,47 | 0,33 |
| Nợ phải trả/Tổng tài sản | 0,59 | 0,53 | 0,67 |
| Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu | 1,45 | 1,13 | 2,06 |
| Nợ/Vốn chủ sở hữu | 1,16 | 0,88 | 0,8 |
| Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu | 0,74 | 0,73 | 0,69 |

| Tỷ đồng | 2019 | 2020 | 2021F |
|--|--------------|--------------|--------------|
| Báo cáo kết quả kinh doanh | | | |
| Doanh thu thuần | 9.258 | 7.429 | 8.791 |
| Giá vốn hàng bán | -8.216 | -6.652 | -7.726 |
| Lợi nhuận gộp | 1.042 | 777 | 1.065 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 180 | 169 | 169 |
| Chi phí tài chính | -268 | -229 | -222 |
| Thu nhập từ các công ty liên kết | 0 | 0 | 0 |
| Chi phí bán hàng | -215 | -256 | -316 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | -149 | -167 | -189 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 590 | 311 | 537 |
| Thu nhập khác | 7 | 8 | 4 |
| Lợi nhuận trước thuế | 597 | 319 | 541 |
| Lợi nhuận ròng | 491 | 283 | 433 |
| Lợi nhuận chia cho cổ đông | 460 | 262 | 401 |
| Lợi ích của cổ đông thiểu số | 31 | 21 | 32 |
| EPS cơ bản (VND) | 2.690 | 1.183 | 1.806 |
| Giá trị sổ sách (VND) | 17.096 | 16.224 | 18.030 |
| Cổ tức (VND/cổ phiếu) | 0 | 0 | 0 |
| EBIT | 823 | 520 | 744 |
| EBITDA | 1.081 | 807 | 1.446 |
| Tăng trưởng | | | |
| Doanh thu | 15,6% | -19,8% | 18,3% |
| EBITDA | 73,1% | -25,3% | 79,1% |
| EBIT | 116,6% | -36,8% | 43,0% |
| Lợi nhuận ròng | 131,5% | -42,3% | 52,8% |
| Vốn chủ sở hữu | 9,2% | 23,6% | 10,8% |
| Vốn điều lệ | 0,0% | 29,5% | 0,0% |
| Tổng tài sản | 6,1% | 7,3% | 59,3% |
| Định giá | | | |
| PE | 4,7 | 12,2 | 9 |
| PB | 0,7 | 0,9 | 0,9 |
| Giá/Doanh thu | 0,2 | 0,4 | 0,4 |
| Tỷ suất cổ tức | 0,0% | 0,0% | 0,0% |
| EV/EBITDA | 4,1 | 6,3 | 3,8 |
| EV/Doanh thu | 0,5 | 0,7 | 0,6 |
| Các hệ số khả năng sinh lời | | | |
| Tỷ suất lợi nhuận gộp | 11,3% | 10,5% | 12,1% |
| Tỷ suất lợi nhuận hoạt động | 7,5% | 5,2% | 7,0% |
| Tỷ suất lợi nhuận ròng | 5,3% | 3,8% | 4,9% |
| Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần | 2,3% | 3,4% | 3,6% |
| Chi phí quản lý/Doanh thu thuần | 1,6% | 2,2% | 2,2% |
| ROE | 15,7% | 7,8% | 10,2% |
| ROA | 6,3% | 3,4% | 3,9% |
| ROIC | 9,8% | 6,3% | 7,6% |

Nguồn: Công ty, SSI Research

KHUYẾN CÁO

Các thông tin, tuyên bố, dự đoán trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, là dựa trên các nguồn thông tin tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các nguồn thông tin này. Các nhận định trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn thận, theo đánh giá chủ quan của chúng tôi, là hợp lý trong thời điểm đưa ra báo cáo. Các nhận định trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không báo trước. Báo cáo này không nên được diễn giải như một đề nghị mua hay bán bất cứ một cổ phiếu nào. SSI và các công ty con; cũng như giám đốc, nhân viên của SSI và các công ty con có thể có lợi ích trong các công ty được đề cập tới trong báo cáo này. SSI có thể đã, đang và sẽ tiếp tục cung cấp dịch vụ cho các công ty được đề cập tới trong báo cáo này. SSI sẽ không chịu trách nhiệm đối với tất cả hay bất kỳ thiệt hại nào hay sự kiện bị coi là thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay bất kỳ thông tin hoặc ý kiến nào của báo cáo này.

SSI nghiêm cấm việc sử dụng, và mọi sự in ấn, sao chép hay xuất bản toàn bộ hay từng phần bản Báo cáo này vì bất kỳ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của SSI.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Hoàng Việt Phương

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

phuonghv@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

Chiến lược thị trường

Nguyễn Lý Thu Nga

Chuyên viên phân tích cao cấp

nganlt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3051

Nguyễn Trọng Đình Tâm

Chuyên viên phân tích

tamntd@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8713

Phân tích kỹ thuật

Lương Biện Nhân Quyền

Chuyên viên phân tích cao cấp

quyenlbn@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321

Phân tích cổ phiếu KHCN

Ngô Thị Kim Thanh

Chuyên viên phân tích cao cấp

thanhntk@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3053

Nguyễn Thị Thanh Tú, CFA

Chuyên viên phân tích cao cấp

tuntt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8718

Lê Huyền Trang

Chuyên viên phân tích cao cấp

tranglh@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8717

Dữ liệu

Nguyễn Thị Kim Tân

Chuyên viên hỗ trợ

tanntk@ssi.com.vn

Tel: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8715